

ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN

THS. TẠ THỊ TÂM

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam



Ngư dân ra khơi. Ảnh TL

Nước ta có vùng biển rộng, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, rất thuận lợi cho việc phát triển một nền kinh tế biển đa dạng với các hình thức đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản... Dọc bờ biển cùng các hải đảo từ xa xưa đã hình thành nhiều cộng đồng ngư dân tụ cư thành các làng, sống bằng khai thác các nguồn thủy, hải sản ở ven bờ và xa bờ. Mỗi tộc người, mỗi nhóm cư dân có một thể ứng xử riêng đối với môi trường biển và hải đảo, để mưu sinh từ nguồn lợi của các khu vực này.

Nghiên cứu các khía cạnh của đời sống văn hóa để thấy được những đặc trưng văn hóa của cư dân ven biển, mối quan hệ giữa các yếu tố văn hóa với các yếu tố môi trường, kinh tế, lịch sử cư dân... Dân cư vùng ven biển miền Trung được xem là khu vực có văn hóa đặc trưng, dấu ấn văn hóa mang tính biển. Về đời sống văn hóa tinh thần chủ yếu bao gồm tín ngưỡng, tôn giáo, văn học (văn học dân gian, văn học cổ, văn học hiện đại), nghệ thuật... Bài viết này bước đầu phác họa bức tranh về đời sống

văn hóa của ngư dân ở huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) và xã Bình Minh (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam).

1. Các sinh hoạt văn hóa

Trên các đảo gần bờ, cư dân vùng ven biển, ngư dân thường xây dựng các công trình văn hóa, là nơi mọi người có thể tham gia hoạt động vào các ngày hội. Yếu tố văn hóa được thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau, ngay cả trên những con thuyền từ màu sắc đến hình ảnh

đôi mắt trước mũi thuyền hay lễ hạ thủy các con tàu. Đặc biệt, vào tháng giêng (tháng 1 âm lịch) sau một năm làm việc vất vả người dân lại hòa chung trong không khí lễ hội. Lễ hội ở Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng thường có hai phần rõ ràng, phần lễ mang tính tâm linh, giúp người dân có thể bày tỏ sự tin tưởng của mình về một đấng siêu nhiên đã giúp bản thân họ vượt qua được phong ba bão táp và cầu mong cho một mùa tiếp theo gặp nhiều may mắn; phần hội được tổ chức các trò chơi dân gian, hoạt động thể thao, giúp họ có đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, một thời gian nghỉ ngơi thoải mái, phục hồi sức khỏe.

1.1. Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa

Hàng năm, vào ngày 2 tháng Ba, ngư dân đảo Lý Sơn làm lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa (Khao lễ tế lính Hoàng Sa). Hầu hết các tộc họ trên đảo Lý Sơn đều có người đi lính Hoàng Sa, Trường Sa đều tổ chức lễ thức này. Đây là lễ hay lệ nhằm khao quân, tế sông và cả làm các nghi lễ thể mạng cho những người sắp xuống thuyền đi thực thi nhiệm vụ triều đình giao phó, đồng thời, tưởng nhớ những người đi lính Hoàng Sa, Trường Sa đã khuất. Khao lễ là lệ khao định kỳ hàng năm (giống như hình thức cúng việc lễ mà một số nơi ở đất liền còn lưu giữ được) nhưng thể lính lại là nghi lễ tế sông, mang đậm yếu tố phù phép của đạo giáo nhằm thể mạng cho người đi lính

Hoàng Sa sẽ phải luôn đối mặt với cái chết. Tuy biết khó có cơ may trở về, nhưng con người vẫn phải hi vọng, dù hy vọng mỏng manh. Mặc dù vậy, trước khi ra đi, người lính cùng gia tộc và cộng đồng vẫn nuôi hy vọng trở về, trước khi ra đi họ cùng với gia tộc cùng soạn sửa lễ vật gồm hoa quả và hương đăng, thầy phù thủy sẽ nặn hình nhân thể mạng bằng bột gạo hoặc bằng đất sét. Hình nhân thể mạng sẽ được đặt cạnh linh vị đã ghi tên tuổi người đi lính Hoàng Sa. Nghi lễ tế lính Hoàng Sa diễn ra trong 2 ngày. Số hình nhân và linh vị tương ứng với số người đi lính trong mỗi dòng họ. Bên cạnh hình nhân và linh vị là người đi lính Hoàng Sa. Người lính ấy luôn đứng hầu thần suốt buổi tế bằng chính niềm tin là lời cầu nguyện của chính mình, của tộc họ sẽ thấy suốt đấng linh thiêng và ngón nghề ẩn quyết của thầy phù thủy sẽ xua được tà ma quỷ ám trên dặm dài sóng nước.

Sau nghi thức cúng ở nhà thờ tộc họ, cư dân đảo Lý Sơn thường đặt các hình nhân và linh vị, cùng những thứ tượng trưng mà người đi lính Hoàng Sa, Trường Sa thường mang theo, như gạo, muối, củi, nước ngọt, lười... vào chiếc thuyền bằng cây chuối rồi đẽ, thả ra biển. Lời nguyện cầu về sự bình yên lẫn lời xua đuổi rủi ro sẽ được bỏ chung cùng thuyền lễ. Theo quan niệm của ngư dân đảo Lý Sơn, hình nhân là kẻ thể mạng cho người đi lính.

Khi buổi lễ thể lính Hoàng

Sa kết thúc, người lính coi như đã có một lần chết và hùng binh ấy có quyền tin tưởng rằng mình sẽ không còn phải chết nữa dù trải qua muôn ngàn bất trắc trên biển khơi suốt 6 tháng trời vâng lệnh triều đình. Vì thế, lễ tế có người lính đứng hầu chính là một lễ tế sông. Đây cũng không phải là nghi lễ tế sông. Mỗi tộc họ trên đảo Lý Sơn, vùng đất cạnh cảng Sa Kỳ và một số địa phương khác hàng năm cũng có người không may mắn trở về. Tại nhà thờ các tộc họ Phạm Quang, Phạm Văn, Võ Văn... và tại các Âm Linh tự (hay còn gọi là Nghĩa Tự), vào dịp lễ khao tế này vẫn còn thầy phù thủy ra tay án quyết và khấn bùa chú, hình nhân bằng đất sét hoặc bằng bột gạo, thậm chí bằng giấy, hàng trăm linh vị cắm trên nải chuối và những thứ tượng trưng mà người lính Hoàng Sa, Trường Sa từng mang đi được cung thỉnh thả vào sóng nước, song chỉ còn nét nghĩa tế lính Hoàng Sa, Trường Sa nhằm tri ân những người đã vì Tổ quốc hy sinh trên vùng biển đảo.

Ở đảo Lý Sơn có các di tích gắn với đội Hoàng Sa:

+ Âm linh tự (xã An Vĩnh) hiện nay còn đài tưởng niệm chiến sỹ trận vong, hàng năm đều có tế tự lính Hoàng Sa phối thờ và những người bỏ mình trên biển.

+ Mộ Võ Văn Khiết - Cai đội và nhà thờ họ Võ Văn. Hiện nay vẫn làm lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa và thờ Võ Văn Khiết, Võ Văn Hùng hướng dẫn viên đường biển đi Hoàng Sa



Ngư dân Việt Nam bám biển. Ảnh TL

suốt những năm 1834 - 1838 và các binh phu trong dòng họ Võ Văn, như Võ Văn Sanh, Võ Văn Nội,... cùng khu mộ liếp chiêu hồn của dòng họ Võ Văn.

+ Nhà thờ và mộ cai đội Phạm Quang Ảnh và mộ chiêu hồn các binh phu Hoàng Sa năm 1815.

+ Nhà thờ tộc họ Phạm Văn có nhiều người đi lính Hoàng Sa (hàng năm tổ chức Lễ khao lễ thế lính vào ngày 19-20 tháng Hai) và nhà thờ Phạm Văn thứ phái, thờ Chánh thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật.

+ Đình An Vĩnh nơi lính Hoàng Sa tế thần trước khi xuất quân.

+ Nhà thờ họ Đặng, thờ Đặng Văn Siêm, đã công được cử đi Hoàng Sa vào năm 1834 và những năm tiếp theo.

+ Mộ chiêu hồn Nguyễn Văn Tám, thủy quân Hoàng Sa và còn nhiều nơi khác...

Ngư dân làng An Vĩnh, An Hải (Lý Sơn) và nhiều nơi khác dọc ven biển Quảng Ngãi, làm lễ Khao lễ thế lính Hoàng Sa, nếu là cho người sắp bước xuống thuyền để lên đênh cùng trời mây và bọt biển, còn nếu đề tưởng nhớ đến những người lính Hoàng Sa không may xấu số thì cũng làm lễ khao lễ nhưng để tế lính Hoàng Sa. Và thường cho cả hai, thế người còn sống và tế người đã chết.

Hàng năm vào dịp tháng Hai hoặc tháng Ba, tức trước ngày những người lính Hoàng Sa, Trường Sa chuẩn bị xuống thuyền, các tộc họ trên đảo Lý Sơn và một số nơi của tỉnh Quảng Ngãi tiến hành khao lễ thế lính,

với ý nghĩa cầu mong cho người ra đi được bình yên trên dặm dài sóng nước. Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa là việc của gia đình và tộc họ, cũng có khi là việc của làng. Tộc trưởng hay chủ nhà, hoặc cả làng sẽ là người chủ bái trong khi hành lễ. Các tộc họ tiền hiền, hậu hiền hoặc trưởng các chi phái sẽ là bồi tế. Ngày xưa, theo trí nhớ của những người cao tuổi, người đi lính Hoàng Sa sẽ đứng hầu thần suốt thời gian tế lễ. Ngoài các thành viên trong tộc họ, các gia đình con cái, cháu chắt người đứng đầu quân, trong lễ tế này phải có thần phù thủy. Thầy phù thủy với mũ tam sơn, khăn ấn, áo dài là người điều hành lễ tế.

Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa của dòng họ:

Ngày 20 tháng Hai là ngày tế chính của một số dòng họ như họ Phạm Văn, làng An Vĩnh, cả tộc họ phải chuẩn bị mọi thứ lễ vật, phân công công việc cho các thành viên trong từng chi phái, từng gia đình trước ngày tổ chức lễ. Kinh phí thực hiện từ nguồn đất hương hỏa, hoặc ghe thuyền của ông bà để lại mà con cháu đang canh tác hoặc đang sử dụng. Ngày nay, đất hương hỏa lẫn ghe thuyền của ông bà để lại cũng không còn, nên các tộc họ phải quyên góp trên cơ sở sự tự nguyện. Từ ngày 17 lễ cúng tế đã được bắt đầu và dềnh dềnh suốt ba ngày, nhưng lễ vật chỉ có trầu rượu, hoa quả. Trong ba ngày này mọi thứ lễ vật được tiếp tục chuẩn bị như làm thuyền lễ và bài vị. Đến 3-4h chiều ngày 19,

VĂN HÓA - XÃ HỘI

chiêng trống going lên báo hiệu cho bà con họ tộc đến để làm lễ yết. Trong lễ yết thầy phù thủy bắt đầu điều hành việc cúng tế ngoài sân. Đó là lúc thầy pháp lặn những hình nhân bằng bột gạo hoặc bằng rơm rạ. 9h cả tộc mổ lợn, gà. Đến nửa đêm, vào giờ chuyên ngày, lễ tế chính sẽ được kéo dài vài tiếng đồng hồ sau đó.

Lễ vật hiến tế trong nhà cho ông bà tổ tiên và các thần linh độ mạng ở nhà thờ họ có gà, lợn và những thứ xanh tươi khác tùy vào điều kiện và theo các bước tam tuần, bát bái. Thầy pháp không tham dự lễ cúng này. Lễ hiến tế ngoài sân cho những linh hồn đã chu du chín tuổi ngoài lễ vật như trâu, rượu, vàng mã, thịt lợn, xôi chè bắt buộc phải có 1 con gà, 1 con cá nướng, 1 con cua, 1 món gói cá nhám. Đó là lệ bắt buộc, là thứ xưa nay làm, không ai giải thích được vì sao phải cúng các phẩm vật như trên đây. Bên cạnh những thứ vật phẩm đã nêu, là những thứ mà lính Hoàng Sa phải mang theo trên thuyền và cũng là những thứ vật phẩm mà người đi biển phải mang theo.

Đặc biệt trong lễ tục này còn có các linh vị, thuyền lễ và các hình nộm. Các linh vị được làm bằng giấy màu đỏ. Mỗi linh vị cao chừng 20 cm, rộng 7 cm, ở trên có danh tính từng người lính Hoàng Sa của họ tộc đã bị tử nạn. Trong tộc họ có bao nhiêu người tử nạn đi lính Hoàng Sa có bấy nhiêu linh vị. Linh vị được dán trên bia cúng, có nẹp gỗ



Nghi thức thả khinh thuyền trong lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa ở huyện đảo Lý Sơn

hoặc tre phía sau và được cắm trên đài chuối cây (cắt theo chiều ngang thân chuối). Người ta đặt các linh vị này trên đàn cúng. Phía trước mỗi linh vị có một cây nến thắp sáng. Khi thầy pháp cúng khấn cầu Bà Thủy Long cùng các thủy thần trả linh hồn người chết về cho tổ tiên, các linh vị này sẽ được đốt ngay sau đó. Thuyền lễ cúng có đế bằng chuối cây, là 3 cây chuối dài khoảng 1.5m đến 2m, được xâu lại với nhau bằng các thanh tre đóng thành bè. Trên đế bè người ta gắn con thuyền làm bằng tre, dán giấy ngũ sắc, có buồm, cờ, phướn như thuyền buồm dùng để đi Hoàng Sa, Trường Sa. Để chuẩn bị hiến lễ người ta đặt vào trong thuyền các đồ lễ vàng mã, muối, gạo nếp, chè xôi, gói cá nhám, cua, cá nướng, đầu, chân,

tiết lòng gà, là những thứ còn bỏ vào trong thuyền một ít đồng tiền lễ vốn đang sử dụng. Trong lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa người ta chỉ làm 3 hoặc 4 hình nộm bằng bột gạo sau này có khi được thay bằng rơm hoặc bằng giấy. Các hình nhân đội nón gỗ, áo kẹp nẹp. 4 hình nhân đặt ở 4 góc thuyền với quan niệm làm vững con thuyền. Nếu chỉ có 3 hình nhân thì đặt ở đầu, giữa và cuối mạn thuyền, là theo quan niệm tam nhân đồng hành, và cũng theo cách hiểu là tổng lái, tổng mũi và tổng khoang, dù trong dịp cúng thể mạng này trong họ có đến nhiều hơn hoặc ít hơn 3 người phải đi lính Hoàng Sa. Sau khi thầy pháp cúng tế và làm các nghi thức bùa phép trước đàn thờ, gửi tên tuổi và linh hồn vào hình nhân thể mạng, thầy



pháp đặt hình nhân vào thuyền. Sau đó lễ tiến đưa bắt đầu. Đi đầu là những thanh niên mang cờ, phướn tiếp theo là 4 thanh niên khiêng thuyền lễ, theo sau là thầy pháp, tộc trưởng, các chi phái trưởng và đoàn người gồm bà con trong tộc họ, có cả những người trong làng, cùng đội chiêng trống. Ra đến bến thuyền, sau khi thầy pháp khấn vái thần linh bốn phương, thuyền lễ sẽ được thả đèn rồi thả xuống nước. Nếu nước cạn thì người ta sẽ dùng thuyền đưa thuyền lễ ra xa, rồi mới thả xuống biển. Kết thúc tế lễ, khoảng 3h sáng ngày 20, thầy pháp và những người lớn tuổi sẽ về lại nhà thờ họ bắt đầu cuộc giao đãi. Lễ lộc cho thầy pháp sẽ được thực hiện ngay sau lễ giao đãi này. Thanh niên trai tráng và phụ nữ phải

đến 6-7 giờ sáng mới được ngồi vào mâm. Vào buổi trưa sẽ có lễ tạ trong nhà lẫm ngoài sân, do tộc trưởng và các chi phái thực hiện.

Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa của các tộc họ Võ Văn, Phạm Quang và các dòng họ khác trên đảo Lý Sơn cũng như nhiều nơi khác dọc ven biển Quảng Ngãi cũng thực hiện những nghi lễ tương tự. Những điều cần có trong nghi lễ đều giống nhau như thầy pháp, thuyền lễ, hình nhân, vật dụng tượng trưng cho người đi lính Hoàng Sa, Trường Sa... Nhưng cũng có chút ít sự khác trong lễ vật hiến tế, trong bài văn tế khao lễ, thời điểm diễn ra nghi lễ...

Khao lễ thế lính Hoàng Sa của làng: Nghi lễ này thường tổ chức tại nhà thờ tộc họ, nhưng có những năm nhiều tộc họ cùng

chung sức làm lễ khao lễ tại một sở cơ sở tín ngưỡng chung của làng, như tại Âm linh tự làng An Vĩnh, Âm linh tự làng An Hải hoặc tại đình làng An Vĩnh. Lễ Khao lễ thế lính Hoàng Sa của làng lớn hơn về quy mô. Ngoài những nghi lễ, từ lễ yết, lễ chánh tế, lễ ngoại đàn, lễ thế lính đến lễ thả thuyền thế mạng... tại lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa của làng có năm còn có lễ cầu siêu, lễ thả hoa đăng, lễ đua thuyền, hát bộ, múa lân, hát bả trạo... Lễ vật hiến tế của làng, thường phải có tế heo sòng, heo chín, gà, xôi, và hàng trăm linh vị, cùng thuyền khao lễ, nhưng không phải là 1 chiếc mà là 5 chiếc, mỗi chiếc cũng lớn hơn thuyền lễ khao lễ của các họ tộc. Sở dĩ phải có 5 chiếc, bởi trong buổi đầu 70 binh phu đi Hoàng Sa phải đi trên 5 chiếc thuyền câu.

Cho đến nay, lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa vẫn được tổ chức hàng năm ở đảo Lý Sơn và vùng cửa biển Sa Kỳ. Điều này không chỉ góp phần phong phú đời sống văn hóa của cộng đồng ngư dân ở đảo Lý Sơn mà còn góp phần quan trọng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của tổ quốc.

1.2. Tục thờ cúng Cá Ông

Ở đảo Lý Sơn có 6 cơ sở thờ tự lẫm, lân Cá Ông. Đó là Lân Đông Hải thôn Tây, xã An Hải, vạn An Phú thờ Nam Hải Đại tướng quân. Lẫm Tân, thôn Đông, xã An Vĩnh, vạn Vĩnh Thành thờ Nam Hải đồng đình Đại Vương - Thượng đẳng thần.

Lân Chánh, thôn Đông, xã An Vĩnh, vạn Vĩnh Thạnh, thờ Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần - Trung đẳng thần. Lăng Cồn, thôn Tây, xã An Vĩnh, vạn Vĩnh Thạnh, thờ Nam Hải cự tộc đức ngư tôn thần. Lăng Vĩnh Thạnh thờ Nam Hải Đại tướng quân. Lễ cúng Cá Ông được tổ chức một năm hai kỳ, gọi là xuân thu, nhị kỳ. Kỳ xuân thường diễn ra vào tháng Giêng hoặc tháng Hai nhưng ở lân Đông Hải lại làm lễ cúng vào dịp Thanh Minh, ngày 19 tháng Ba (sau 4 ngày cúng tại đình làng An Hải 15 tháng Ba) và kỳ thu vào tháng Bảy hoặc tháng Tám. Tế xuân vào ngày 1 đến ngày 2 tháng Hai (gọi là lễ ra mắt chư vị Nam Hải để các lái mở cửa biển ra khơi đánh bắt, ngư dân thường gọi là mừng 1 tế xuân, mừng 2 lễ đoàn). Tế thu vào ngày 28 tháng Tám, gọi là lễ hoàn nguyên khi kết thúc mùa đánh bắt cá, tất cả các ghe thuyền trở về đông đủ. Quy mô tế lễ lớn hơn cả chỉ được tổ chức tại Lân Chánh của vạn. Do quan niệm truyền thống của ngư dân, hay điều kiện tài chính cũng như thời gian nên việc cúng lễ xuân cũng khác nhau, vì lễ xuân là lễ để tế cáo cầu mưa, cầu ngư trước khi ngư dân đi đánh cá. Vật phẩm trong lễ xuân là trà, trầu, rượu hoa quả bánh. Dù là hoa quả, bánh trái... nhưng cũng phải tổ chức đúng nghi thức tế lễ, từ lễ nhập yết đến chánh tế, không có phần hội như tổ chức hát bả trạo, hát bội... và không tổ chức ăn uống linh đình như một số nơi thờ cá Ông ở Quảng

Ngãi... Còn lễ vật hiến tế trong lễ thu thường phải có 1 con lợn, một con gà và những thứ cần thiết khác như trong lệ xuân. Có những năm ngư dân cúng đến 2 con heo, con bò, con trâu... người ta gọi là tam sanh thượng. Lễ thu diễn ra vào thời điểm kết thúc vụ đánh cá trong một năm, là lúc mà ngư dân có thời gian nghỉ ngơi, tránh mùa gió bão và có điều kiện để tổ chức lễ tế cá Ông hết sức trang trọng để tạ ơn Ông và những vị thần khác. Ngư dân trên đảo Lý Sơn xem cá voi như một phúc thần, có thể che chở họ khi họ gặp nạn trên biển hay giúp họ có được những vụ mùa bội thu. Cho nên ngư dân xã An Hải đặt niềm tin vào sự hiển linh của thần Nam Hải để bảo vệ làng xóm, ngư dân. Đặc biệt, các lăng, các lân thờ cá Ông trên đảo đều có cốt cá Ông, hài cốt lợn được lưu giữ tại lân Đông Hải, lăng Tân, lân Cồn ngoài. Lân Đông Hải là nơi để ngư dân làm lễ cúng tế, cầu mưa, đồng thời còn là nơi gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm trọng đánh bắt trong các dịp sinh hoạt lễ tế hay trong dịp tết cổ truyền lại tổ chức lễ hội vui xuân. Mặc dù ngư dân đảo Lý Sơn có rất nhiều lăng, lân thờ cá Ông nhưng không có lễ nghinh Ông, hát bả trạo như một số vùng khác trong tỉnh. Ngư dân đảo Lý Sơn tổ chức đua thuyền tại lăng Ông từ ngày mừng 4 đến mừng 8 tháng Giêng. Khi được mùa lớn, các chủ thuyền rước đoàn hát bội về tại các lăng thờ cá Ông để biểu diễn cho cộng đồng xem.

Trước mỗi chuyến đi biển, các chủ thuyền thường mang lễ vật đến lân Đông Hải để xin thần Nam Hải phù hộ cho thuyền ra khơi được thuận lợi, bình an và bội thu. Sau khi đánh bắt trở về, họ đều làm lễ tạ như góp tiền tu bổ lăng. Điều này giải thích vì sao ở đảo Lý Sơn có nhiều lăng thờ cá Ông như vậy. Nghi lễ thờ cúng cá Ông không thể thiếu trong đời sống tâm linh của cư dân trên đảo Lý Sơn. Lễ cúng cá Ông với ngư dân là sinh hoạt văn hóa cộng đồng, một thái độ tri ân, thể hiện niềm tôn kính với vị thần bảo hộ ngư dân đảo trong những chuyến đi dài ngày trên biển.

Ở xã Bình Minh, tục thờ cúng cá Ông bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ cá của người Việt (ở Bắc bộ) cùng kết hợp với tục thờ cá Ông (của người Chăm) mà những lưu dân người Việt trên bước đường Nam tiến đã tiếp thu được trong quá trình giao lưu văn hóa. Cá “Ông” là tiếng gọi tôn kính của ngư dân dành riêng cho cá Voi, loài cá thường giúp họ vượt qua tai nạn khi lênh đênh trên biển cả. Trong dân gian, người Việt cũng như người Chăm và người Hoa đều cho rằng cá Voi không phải là loài cá bình thường mà là một loài “cá thần” và nằm trong mối quan hệ thống nhất giữa biển (môi trường khai thác) - người (ngư dân) - thần (Cá Ông). Mục đích của việc thờ cúng cá Ông, là thể hiện sự tôn kính của ngư dân đến thần linh, ngoài ra, nó còn gắn liền với sự hưng thịnh của cả cộng đồng.

Vì vậy, ngư dân các vùng ven biển rất tôn thờ và thường xuyên tổ chức cúng kiếng long trọng, không phải chỉ ngày xưa mà cả ngày nay.

Việc thờ cúng Cá Ông là một phong tục cổ truyền, là lễ hội tiêu biểu của cư dân ven biển (miền Trung, miền Nam) nói chung và cư dân ven biển Bình Minh nói riêng. Tuy nhiên, với từng vùng miền, từng địa phương sẽ có những quan niệm, cách thức tổ chức về lễ hội này khác nhau. Và đối với xã Bình Minh cũng không nằm ngoài quy luật ấy.

Về thời gian mở lễ hội Cá Ông ở Bình Minh không có ngày thống nhất chung mà tùy thuộc vào ngày cá Ông lụy hay quan niệm của từng địa phương mà thời gian tổ chức sẽ khác nhau. Thông thường lễ hội này được tổ chức hai lần trong một năm; một vào lệ Xuân (trước đây ngư dân thường tổ chức vào Rằm tháng Ba, nhưng kể từ năm 2006 đến nay, cả 4 thôn đều chuyển vào tháng Giêng, trong dịp ra quân đánh bắt vào đầu năm); hai là vào lệ Thu. Lệ Xuân rộ nhất là từ ngày mùng 6 đến ngày 15 tháng Giêng. Lệ Thu được tổ chức vào ngày 15 tháng 7, thời điểm kết thúc vụ cá. Thời gian tổ chức lễ cúng cá Ông diễn ra trong một ngày, bắt đầu từ 6 giờ - 6 giờ 30 phút và kết thúc vào buổi chiều cùng ngày, nhiều thôn có thể kéo dài đến đêm.

Ở Bình Minh, có 4 thôn thì có đến 4 ngày tổ chức khác nhau, thôn Tân An tổ chức vào



ngày 15 tháng Giêng, và thôn này có một phong tục rất hay đó là, trước ngày rằm (chưa tổ chức lễ hội cầu Ngư) tất cả các ghe, tàu trong vịnh (dạn) không được đi đánh bắt, nếu có lỡ đi thì cũng không được về bến đậu, vì họ quan niệm nếu chưa báo cáo với thần linh, ông Ngư, làng vịnh là không được đi đánh bắt; còn thôn Bình Tân tổ chức vào ngày 10 tháng Giêng; Bình Tịnh ngày 8 tháng Giêng; Hà Bình vào ngày 6 tháng Giêng. Tùy vào điều kiện kinh tế, quan niệm, phong tục của từng thôn mà cách thức tổ chức lễ hội sẽ khác, song chung quy lại ý nghĩa của lễ hội cá Ông là cầu xin thần Nam hải giúp cho ngư dân được thuận lợi trong những chuyến ra khơi, đánh bắt được nhiều tôm cá, tàu thuyền đi lại an toàn...

Không gian thờ phụng Cá Ông thường được tổ chức tại làng (có nơi gọi là miếu, vịnh...). Làng chính là nơi để chôn cất cá Ông, để thờ cúng, tế lễ vào dịp

lễ hội (dịp cúng giỗ - ngày Cá Ông lụy hoặc nhận sắc phong), đồng thời nó còn là không gian tập trung, tạo cơ sở tín niệm cho ngư dân. Theo lời kể lại của các cụ, ngày xưa ở đây có rất nhiều làng, nhưng qua năm tháng, cùng với sự biến thiên của lịch sử, tàn phá của thiên tai, nhân tai (chiến tranh, chính sách của nhà nước thời bao cấp, cho đó là hiện tượng mê tín dị đoan nên đã đập phá đi), vì thế mà số lượng làng ở Bình Minh đã giảm đáng kể, hiện nay chỉ còn có 4 làng (mỗi thôn có một làng), đa phần là những làng mới xây dựng gần đây. Chính sự trẻ hóa các di tích này, là lý do làm giảm đi các giá trị văn hóa, lịch sử vốn có.

Về kiến trúc xây dựng và bố trí làng ở Bình Minh được xây cất ở địa thế cao, thoáng cách bờ biển khoảng 200 - 300m, mặt hướng ra biển. Cách bài trí và xây dựng kiến trúc làng có hình dáng như hình làng trụ, mang dáng dấp nhỏ bé khiêm nhường, chiều

cao khoảng 2 - 3m, chiều rộng khoảng 1 - 2m, mặc dù hơi nhỏ bé, nhưng thiết kế bao giờ cũng có hai tầng, tầng trong cùng nhỏ và cao thường để thờ Ngọc cốt của cá Ông (hiện nay không còn thấy thờ nữa), phần ngoài thấp và rộng để đặt đồ thờ cúng. Hầu hết các lăng ở Bình Minh đều được thiết kế nhỏ gọn, không rối rắm cầu kỳ, cũng không quá uy nghi, lộng lẫy, tất cả các bộ cụ cho đến đường nét đều rất đơn giản, mộc mạc giống như tính cách con người nơi đây. Đến đây chúng tôi khá ngạc nhiên và tự hỏi tại sao lăng, là một nơi linh thiêng, là trung tâm thực hiện tín ngưỡng của một cộng đồng (một thôn - vạ) mà lại nhỏ bé, đơn giản đến vậy. Phải chăng là do khó khăn về điều kiện kinh tế, sự e ngại về thời tiết, hay do tính thẫm mỹ...? Nếu nói là do điều kiện kinh tế chi phối thì cũng không ổn, bởi lẽ đời sống hiện nay của ngư dân Bình Minh đủ

sức để khuyến góp, xây dựng nhiều công trình mang tính tầm cỡ. Đặc biệt đối với những công trình mang tính tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng thì chắc chắn rằng họ không ngần ngại để đầu tư. Căn nguyên của vấn đề này, là do họ sống trong môi trường chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai như hạn hán, bão lụt cộng thêm vào đó là ở gần biển nên thường xuyên có gió lớn, độ muối cao... vì thế mà họ chỉ chú trọng đến tính bền vững của công trình là trên hết.

Việc phụng thờ Cá Ông là một quá trình thiêng hóa cá Voi. Đó là một loài cá hiền lành, có vú, nuôi con bằng sữa và thở bằng phổi, sống ở biển, có vây ngực, vây đuôi rõ ràng, có loài dài hơn 30m, nặng trên 100 tấn. Vì thở bằng phổi nên cá Voi thường nổi lên mặt biển để hít thở. Cá Voi có hai đặc tính bản năng khá đặc biệt: thứ nhất, khi có biển động, sóng lớn cá Voi thường tìm

những vật nổi trên mặt biển như ghe, tàu... nấp vào để mong được an thân và cùng dìu nhau vào bờ. Đặc tính thứ hai, cá Voi tuy lớn nhưng lại ăn sinh vật phù du trôi nổi gần bờ. Do vậy, nơi nào có cá Voi xuất hiện, nơi ấy ắt có nhiều cá. Cũng vì những đặc tính đó của cá Voi mà ngư dân đã nhân hóa chúng thành một con vật linh thiêng cứu giúp cho họ. Nếu đem so sánh với kiến thức khoa học có lẽ nó sẽ vênh rất nhiều, thậm chí xa lạ so với những hiểu biết của ngư dân. Nhưng ở đây, đối với ngư dân, họ tin tưởng cá Voi là phúc thần, có thể che chở cho họ khi gặp nạn trên biển, giúp họ có được mùa màng bội thu. Và xoay quanh hình ảnh về cá Voi, đến nay trong cộng đồng ngư dân Bình Minh còn có nhiều câu chuyện huyền thoại, liên quan đến sự cứu giúp của cá Ông, thậm chí có tên tuổi và địa chỉ của những người được Ngài cứu sống.

Nghi thức thờ cúng cá Ông gồm phần lễ và phần hội.

+ Phần lễ: được chia thành 3 phần, theo thứ tự như sau: thứ nhất là lễ khai mạc (do trưởng thôn đứng ra nêu khái quát về nội dung của buổi lễ, vì sao phải tổ chức lễ hội này). Thứ hai là phần tế lễ, trong phần này bao gồm cả việc nghinh Ông, (thỉnh Ông), rước cô bác - cô hồn, thành hoàng, và dâng lễ vật cúng, đọc văn tế... Đối với phần tế lễ, mỗi thôn sẽ có quy trình tổ chức khác nhau ví như ở thôn Tân An thường làm lễ nghinh Ông về lăng trước rồi mới đến



Lễ hội Nghinh Ông Sông Đốc

việc nghinh các thần như thành hoàng, cô hồn - cô bác; còn ở thôn Hà Bình thì ngược lại, họ tổ chức nghinh thành hoàng, cô hồn - cô bác trước rồi tổ chức nghinh Ông sau cùng. Thứ ba là phần dâng hương của đại biểu, của dân làng.

- Lễ vật thờ cúng: điều này phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của từng thôn, năm nào làm ăn phát đạt, giàu có họ tổ chức lớn, cúng mặn gồm có gà, lợn, hoa quả, hương đèn, vàng mã... còn năm nào mất mùa, họ tổ chức cúng nhạt, nghĩa là cúng đơn giản chỉ có hương đèn và hoa quả, trà, rượu... Tuy nhiên, trong một năm thông thường bao giờ cũng có một lần cúng mặn (cúng lớn - thường tổ chức vào lễ Xuân, tháng Giêng) và một lần cúng nhạt (đơn giản - vào lễ Thu, rằm tháng Bảy). Trước đây khi ngư dân đánh bắt thuận lợi, họ còn chọn những con cá to nhất đến cúng ở lăng, nhưng hiện nay tục lệ này không còn nữa. Cho dù cúng nhạt hay cúng mặn nhưng lễ vật không bao giờ thiếu vắng trong buổi tế lễ, đó là con gà trống. Mục đích của việc cúng gà trống là để lấy đôi chân (giò gà) để xem quẻ, mà dự đoán vận mệnh năm nay dân làng làm ăn thế nào, tốt hay xấu mà có cách phòng tránh.

- Thành phần tham dự: ban tế lễ gồm có 4 - 5 người đứng đầu là chánh bái, đồng thời còn là trưởng vạ (dạn); ông xướng (điều hành lễ cúng); người đọc văn cúng; ban hậu lễ gồm có 2 người chủ yếu là để sửa soạn

lễ vật, rót trà, nước..., ngoài ra còn có ban chinh cô. Ban tế lễ do làng vạ bầu ra, gồm những bậc cao niên (có độ tuổi từ 55 trở lên, tùy theo từng thôn), đức độ, có uy tín, gia đình hòa thuận và không mắc tang. Trước ngày diễn ra lễ hội, ban tế lễ thường phải ăn chay theo lệ và dọn mình sạch sẽ (tùy theo từng thôn). Khi lễ thần, ban tế lễ đều phải mặc áo dài khăn đóng chỉnh tề, hành lễ phải trang nghiêm, tránh sai sót không đáng có. Người ta cho rằng, tế lễ là việc hệ trọng, nếu hành lễ không đúng sẽ bị thần giáng họa cho cả làng. Chính vì quan niệm đó, nên họ rất cẩn thận từ việc chuẩn bị lễ vật cho đến lúc hành lễ đều rất quy cũ và chu đáo. Ban tế lễ được bầu ra trong một năm, để làm nhiệm vụ đại diện cho làng vạ tế lễ với thần, trong năm đó, nếu dân làng làm ăn thuận lợi thì ban tế lễ đó được giữ lại, còn nếu không tốt, họ sẽ bầu lại ban tế lễ khác. Ngoài ban tế lễ ra, còn có đại biểu của các địa phương khác đến dự, những làng vạ kết nghĩa, những người thân quen buôn bán với dân làng, và thành phần không bao giờ thiếu đó là ngư dân và những chủ thuyền.

- Kinh phí tổ chức: do dân làng tự đứng ra khuyến góp, tùy theo điều kiện kinh tế của từng gia đình mà có khoảng đóng góp khác nhau, riêng đối với những chủ ghe, tàu thì thôn, vạ quy định cụ thể (mỗi chủ ghe đóng 500 ngàn - 1 triệu, tùy theo từng thôn). Ngoài ra, khi tổ chức lễ hội, họ còn nhận được số tiền

cúng viếng của khách mời như các vạ kết nghĩa, những người buôn bán có mối quan hệ với thôn, vạ... Tất cả những số tiền đó, đem trang trải vào việc tổ chức tế lễ, còn dư xung vào quỹ để tổ chức lần sau và bồi dưỡng cho ban tế lễ cũng như để sắm sửa hương đèn, hoa quả... vào những ngày sóc, vọng, lễ Tết.

+ Về phần hội

Đây là phần tổ chức văn hóa văn nghệ như hát bả trạo (có thể đưa vào phần hội hoặc phần lễ đều được, nhưng ở đây chúng tôi tạm xếp chúng vào phần hội), hát chèo, hát tuồng, và một số trò chơi giải trí như lắc thúng, kéo co dưới nước, có năm còn tổ chức thi vá lưới... Thông qua các hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền này, đã làm tăng thêm không khí vui vẻ, háo hức trong làng vạ, tạo tâm thế bình an, cho ngư dân vững tin bước vào vụ mùa mới. Tuy nhiên việc tổ chức phần hội ở Bình Minh ít được chú trọng, có nhiều thôn không tổ chức phần hội, trong 4 thôn ở Bình Minh chỉ có thôn Hà Bình là có tổ chức phần hội, nhưng cũng nhiều năm mới làm.

* Đám tang cá Ông

Trong tâm thức của ngư dân ven biển, từ lâu cá Voi đã trở thành một vị phúc thần nơi biển cả, là ân nhân của người đi biển. Với sự tôn kính đó, chẳng may cá Voi gặp nạn, chết trôi dạt vào bờ, ngư dân tổ chức mai táng rất chu đáo. Cá Voi chết có rất nhiều nguyên nhân như do môi trường bị ô nhiễm, vì bệnh già hoặc vướng vào lưới đánh cá. Nhưng

đến nay có một điều rất kỳ lạ mà chưa một ai có thể giải mã được, đó là hiện tượng một cá Ông lụy (chết hoặc trôi dạt vào bờ mà chưa chết) trôi dạt vào bờ ở khu vực nào thì những con bị nạn sau cũng dạt vào khu vực đó... Chính những điều đó, là điều kiện làm tăng thêm màu sắc màu nhiệm, tính thiêng cho tín ngưỡng thờ cá Ông.

Ngư dân nào nhìn thấy xác cá Ông lụy đầu tiên, được xem là trưởng tang, coi như con của ông Nam Hải và chịu tang trong 3 năm, phải thực hiện các nghi lễ giống như việc để tang chế đối với cha mẹ. Việc thực hiện nghi lễ đó không chỉ là trách nhiệm, niềm may mắn đối với bản thân người đó mà còn là trách nhiệm, niềm vui chung cho cả dân làng. Mặc dù là đám tang nhưng không khí tang lễ không bi lụy, buồn thương mà trái lại luôn tràn ngập sự hồ hởi, vui mừng. Tuy dân gian gọi là đám tang nhưng thực chất nó là “đám rước” phúc thần, là ngày hội của cả làng vạn. Nhưng đó là trước đây, còn hiện nay tục lệ này đã biến đổi và người nhìn thấy cũng không còn chịu tang như trước đây nữa, nếu có cũng chỉ mang tính thủ tục.

Cá Ông khi chết sẽ được chôn cất tại lăng, nhưng nếu trường hợp cá Ông quá lớn, ngư dân không khiêng nổi đến địa điểm lăng thì họ tẩm xăng và thiêu lấy tro vào bình (lọ), đem về lăng thờ.

Gắn với thờ cá Ông là lễ hội “cầu Ngư”, thực chất đây

là nghi lễ cầu mùa, cầu an, cầu thịnh của ngư dân trong suốt một năm lên đênh trên biển cả. Là một nghi lễ của cư dân nông nghiệp đã được ngư dân ven biển tiếp thu, hay nói cách khác là thông qua nghi lễ cầu Ngư, bóng dáng đậm nét của văn hóa đồng bằng, văn hóa nông nghiệp còn xuất hiện ở trong đó. Ở Bình Minh, hội cầu Ngư không tổ chức độc lập mà bao giờ cũng gắn liền với lễ hội cúng cá Ông, hay nói cách khác tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là linh hồn của lễ hội cầu Ngư. Nếu như không có tín ngưỡng thờ cá Ông thì tín ngưỡng cầu Ngư cũng chẳng có ý nghĩa gì. Cùng với tín ngưỡng cầu Ngư, ngư dân Bình Minh còn lồng ghép nhiều hình thức tín ngưỡng khác như tín ngưỡng thành hoàng, thờ cúng cô hồn - cô bác...

2. Nhận xét

Qua một số đặc trưng văn hóa của ngư dân vùng biển đảo Lý Sơn và xã Bình Minh (huyện Thăng Bình) chúng ta thấy một nền văn hóa biển mang đậm dấu ấn của cư dân bản địa với truyền thống văn hóa biển lâu đời. Đứng trước yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng ven biển, đời sống văn hóa của cộng đồng ngư dân ở hai địa bàn nghiên cứu trên cần phải tự nâng cao năng lực nội sinh bằng cách loại bỏ, thay thế hoặc chuyển đổi những đặc trưng văn hóa không còn phù hợp, phát huy những đặc trưng văn hóa phù hợp với xu thế phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Hạnh (2014), *Lối sống người dân làng chài hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy và phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng)*, Luận án Tiến sỹ Nhân học, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
2. Trần Hồng Liên (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Bá Thịnh (2007), “Vài nét về đời sống văn hóa - tâm linh của cư dân vạn đò”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr.15-21.
5. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế - văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Đăng Vũ (2003), *Văn hóa dân gian cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Luận án Tiến sỹ Khoa học Lịch sử, lưu tại Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
7. *Quốc hội (2014, Luật hôn nhân và gia đình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
8. *Quốc hội (2007), Luật phòng chống bạo lực gia đình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
9. *Quốc hội (2007), Luật bình đẳng giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội